



K A R R Y



ĐẲNG CẤP CHÂU ÂU

QUALIFIED BY
EUROPE



TẢI HÀNG VƯỢT TRỘI | TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU | LINH HOẠT THOẢI MÁI | VẬN HÀNH ÊM ÁI | AN TOÀN CHUẨN ÂU

NGOẠI THẤT



KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CAO

Cấu trúc 2 dầm dọc và 8 dầm ngang, thùng hàng rộng rãi, nhíp lá mạ điện, đảm bảo khả năng chịu tải lên tới 3 tấn.

LỐP XE

Cỡ lốp: **175/70 R14**

Cho khả năng vận hành êm ái, chịu tải cao.

HỆ THỐNG TREO (TRƯỚC/ SAU)

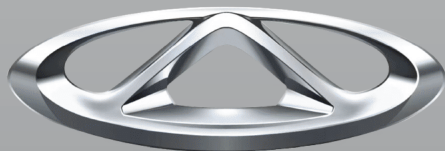
Hệ thống treo độc lập MacPherson.

Hệ thống treo phụ thuộc nhíp lá.

ĐỘNG CƠ

TIẾT KIỆM NHIÊN LIỆU, HIỆU QUẢ CAO:

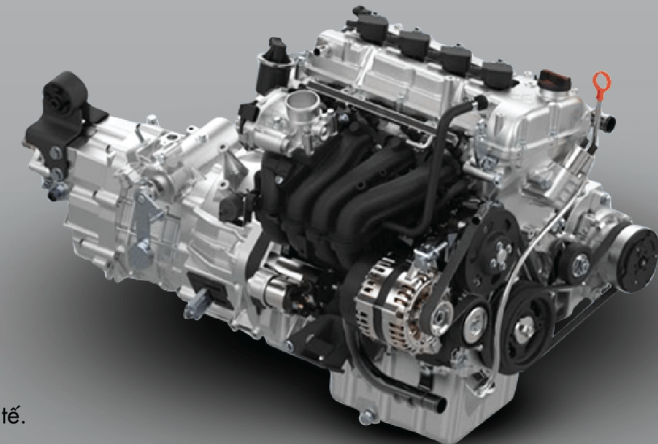
Động cơ ACTECO do Tập đoàn Chery tự sản xuất - Top10 động cơ tốt nhất thị trường USA (Bình chọn bởi tạp chí hàng đầu Automotive World, 2021). Đã được kiểm chứng qua thị trường với doanh số hơn 1 triệu chiếc sử dụng trên đa dạng sản phẩm.



ACTECO

Dung tích **1,1L** (Yoki) & **1,3L** (Grand Yoki)
Siêu tiết kiệm nhiên liệu, chỉ **6L/100km(*)**

Trục cam kép 4 xi-lanh thẳng hàng cùng hệ thống phun xăng điện tử đa điểm 16V giúp đốt cháy nhiên liệu hiệu quả.



(*)Mức tiêu hao nhiên liệu có thể thay đổi tùy theo điều kiện vận hành thực tế.

NỘI THẤT

**NỘI THẤT THIẾT KẾ CÔNG THÁI HỌC
THAO TÁC DỄ DÀNG VÀ TIỆN LỢI.**



Khoang lái rộng 1330 mm, ghế lái trượt trước sau 90 mm cho không gian rộng rãi thoải mái.



Vô lăng có thể điều chỉnh nâng hạ theo thói quen của người lái.

AN TOÀN

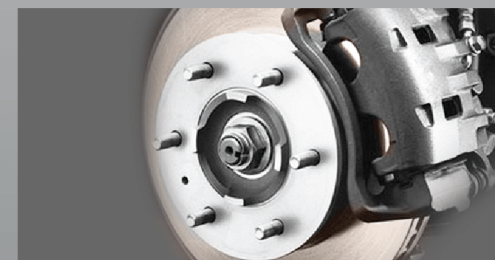
LẦN ĐẦU TIÊN TIÊU CHUẨN AN TOÀN XE CON ĐƯỢC ÁP DỤNG LÊN XE TẢI

Mẫu xe tải duy nhất trang bị hai túi khí, bảo vệ an toàn cho người lái và hành khách.



Tỷ lệ thép cường độ cao trong thân xe đạt 54%, gia tăng khả năng an toàn khi xảy ra va chạm.

Trang bị hệ thống chống bó cứng phanh ABS, tăng cường an toàn trong quá trình vận hành.



THÔNG SỐ KỸ THUẬT



Loại xe		YO-KI	GRAND YO-KI
Thông số kỹ thuật	Mã kiểu loại	Q22B	Q22D
	Dài x Rộng x Cao (mm)	4420 x 1620 x 2340	4925 x 1730 x 2325
	Kích thước thùng xe (mm)	Thùng Mui bạt	2390 x 1510 x 1565/1230
		Thùng Kín	2900 x 1620 x 1510/1175
		Thùng Lửng	2510 x 1535 x 1565
	Chiều dài cơ sở (mm)	2470 x 1510 x 320	2600
	Tổng trọng lượng (kg)	2365	3050
	Trọng lượng bản thân (kg)	1245	2495
	Khối lượng tải định mức (kg)	990	1370
	Bán kính quay vòng tối thiểu (m)	995	
Hệ truyền động	Thông số lốp	5	175/70 R14
	Loại động cơ	175/70 R14	SQR472WF
	Dung tích (cc)	1083	SQR472WD
	Công suất kW/rpm	1251	55/6000
	Mômen xoắn N.m/rpm	60/6000	98/3500 - 4500
	Tiêu chuẩn khí thải	Euro - V	
	Loại hộp số	5MT	
	Phanh trước / phanh sau	Phanh đĩa / Phanh tang trống (có ABS)	
	Hệ thống lái	Thủy lực	Điện
	Hệ thống treo (trước/sau)	Hệ thống treo độc lập MacPherson / Hệ thống treo phụ thuộc nhíp lá	
Tiện nghi & Tính năng an toàn	Túi khí	2	
	Màn hình trung tâm (Hỗ trợ Apple Carplay, Android Auto)	•	
	Kính cửa chỉnh điện	•	
	Đèn pha trước	•	
	Đèn sương mù (trước/sau)	•	
	Điều hòa	•	
	Camera lùi	•	

*Hình ảnh có thể khác với thực tế, thông số kỹ thuật có thể thay đổi mà không báo trước.